

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG HUNG YÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 07 /KH-TTQT

KẾ HOẠCH QUAN TRẮC, CẢNH BÁO MÔI TRƯỜNG VÙNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2026

Hưng Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Bảng 1: Vùng nuôi ngao bãi triều

Số TT	Mã điểm	Mô tả vị trí điểm quan trắc	Thời gian quan trắc dự kiến							
			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
Bảng 1: Vùng nuôi ngao bãi triều										
A	Tuần 1			Ngày 06	Ngày 04	Ngày 01	Ngày 06	Ngày 03	Ngày 07	
	KVN	Các điểm đại diện cho khu vực nuôi		t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform, TBVTV, Cd, Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform, Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform, Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform, Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform, TBVTV, Cd, Vibrio sp	
C	Tuần 3			Ngày 20	Ngày 18	Ngày 15	Ngày 20	Ngày 17	Ngày 21	
	KVN	Các điểm đại diện cho khu vực nuôi		t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	t°C, pH, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , Tổng Coliform,Vibrio sp	

Bảng 2: Khu vực nuôi hàu										
			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
A	Tuần 1				Ngày 04	Ngày 01	Ngày 06	Ngày 03	Ngày 07	
	KVH				pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, TBVTV, Cd, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, TBVTV, Cd, Vibrio sp	
C	Tuần 3				Ngày 18	Ngày 15	Ngày 20	Ngày 17	Ngày 21	
	KVH	Điểm đầu và cuối khu vực nuôi			pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	

Bảng 3: Vùng sản xuất ngao giống tập trung

A	Tuần 1			Ngày 06	Ngày 04	Ngày 01	Ngày 06	Ngày 03		
	KVN	Khu vực lấy nước vào		Độ mặn (độ muối), nhiệt độ, COD, Tổng coliform, Vibrio sp	Độ mặn (độ muối), nhiệt độ, COD, Tổng coliform, Vibrio sp	Độ mặn (độ muối), nhiệt độ, COD, Tổng coliform, Vibrio sp	Độ mặn (độ muối), nhiệt độ, COD, Tổng coliform, Vibrio sp	Độ mặn (độ muối), nhiệt độ, COD, Tổng coliform, Vibrio sp		

Bảng 4: Vùng nuôi tôm nước lợ

			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
A	Tuần 1			Ngày 06	Ngày 04	Ngày 01	Ngày 06	Ngày 03		
01	CNCL	Vị trí cấp nước chung		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp		
02	ANL	Ao nuôi đại diện		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp		

B	Tuần 2			Ngày 13	Ngày 11	Ngày 08	Ngày 13	Ngày 10		
1	CNCL	Vị trí cấp nước chung		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp				
2	ANL	Ao nuôi đại diện		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp				
C	Tuần 3			Ngày 20	Ngày 18	Ngày 15	Ngày 20	Ngày 17		
02	ANL	Ao nuôi đại diện		t°C, pH, DO	t°C, pH, DO	t°C, pH, DO				
D	Tuần 4		Ngày 25	Ngày 27	Ngày 25	Ngày 22	Ngày 27	Ngày 24		
01	CNCL	Vị trí cấp nước chung	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, TBVTV, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Tổng coliform, TBVTV, Vibrio sp		

02	ANL	Ao nuôi đại diện		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, H ₂ S (S ²⁻), TSS, Vibrio sp				
Bảng 5: Vùng nuôi tôm nhiễm mặn										
			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
A	Tuần 1			Ngày 06	Ngày 04	Ngày 01				
01	CNCM	Vị trí cấp nước chung		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, Vibrio sp				
02	ANM	Ao nuôi đại diện		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), Vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), Vibrio sp				

D	Tuần 4		Ngày 25	Ngày 27	Ngày 25	Ngày 22	Ngày 27	Ngày 24		
01	CNCM	Vị trí cấp nước chung	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, TBVTV, vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, TSS, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , COD, TBVTV, vibrio sp		
02	ANM	Ao nuôi đại diện		pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), vibrio sp	pH, t°C, DO, độ mặn (độ muối), độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , H ₂ S (S ²⁻), vibrio sp		

Bảng 6: Vùng nuôi cá lồng trên sông

			Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10
A	Tuần 1					Ngày 01	Ngày 06	Ngày 03	Ngày 07	Ngày 05
	CL	Điểm đầu và cuối khu vực nuôi				pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻)	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), tốc độ dòng chảy	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), tốc độ dòng chảy	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), TBVTV, tốc độ dòng chảy	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), tốc độ dòng chảy
B	Tuần 2						Ngày 13	Ngày 10	Ngày 14	Ngày 12
	CL	Điểm đầu và cuối khu vực nuôi					Tốc độ dòng chảy	Tốc độ dòng chảy	Tốc độ dòng chảy	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), tốc độ dòng chảy
C	Tuần 3						Ngày 20	Ngày 17	Ngày 21	Ngày 19
	CL	Điểm đầu và cuối khu vực nuôi					Tốc độ dòng chảy	Tốc độ dòng chảy	Tốc độ dòng chảy	Quan trắc bổ sung: Tốc độ dòng chảy

D	Tuần 4					Ngày 22	Ngày 27	Ngày 24	Ngày 28	Ngày 26
	CL	Điểm đầu và cuối khu vực nuôi				pH, t ⁰ C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), Tốc độ dòng chảy	pH, t ⁰ C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), Tốc độ dòng chảy	pH, t ⁰ C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), TBVTV, Tốc độ dòng chảy	pH, t ⁰ C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, H ₂ S (S ²⁻), Tốc độ dòng chảy	Quan trắc bổ sung: Tốc độ dòng chảy

Bảng 6: Vùng nuôi cá nước ngọt tập trung

[illegible]

D	Tuần 4			Ngày 27	Ngày 25	Ngày 22	Ngày 27	Ngày 24	Ngày 28	
01	CRP	Vị trí cấp nước chung		t°C, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, TBVTV	t°C, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC	t°C, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC	t°C, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC	t°C, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC, TBVTV	t°C, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, COD, EC	
02	ARP	Ao nuôi đại diện		pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , COD.	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , COD.	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , COD.	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , COD.	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , COD.	pH, t°C, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , COD.	

Ghi chú: TBVTV: Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Heptachlor & Heptachlorepoxyde); EC: độ dẫn điện.

Nơi nhận:

- Chi cục Thủy sản;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm;
- Phòng Phân tích môi trường và độc chất;
- Phòng Quan trắc và dự liệu môi trường;
- Phòng Hành chính tổng hợp;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Tâm

